TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 03-4-2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Thới

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hưởng

2. Ông Nguyễn Văn Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An.

Ngày 03 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 119/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 32/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị N , sinh năm 1972;

Địa chỉ: Ấp 1, xã Nh, huyện B, tỉnh Long An.

Bị đơn: Ông Đặng Xuân A, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Ấp 1, xã Nh, huyện B, tỉnh Long An.

(Các đương sự có Đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 02/3/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Huỳnh Thị N có Đơn xin vắng mặt nhưng đã có bản tự khai trình bày:

Năm 1993, bà N và ông Đặng Xuân A xác lập quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nh, huyện B, tỉnh Long An theo quyển số 67/2011 ngày 10/5/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại xã Nh, huyện B, tỉnh Long An có đảm bảo hạnh phúc. Nhưng từ năm 2019, thì phát sinh mâu thuẫn

trầm trọng và đến năm 2022 sống ly thân. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Từ thời gian sống ly thân vợ chồng không hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nên nay tôi xác định không thể tiếp tục chung sống với ông A và yêu cầu được ly hôn.

Về quan hệ con chung: Bà và ông An chung sống có một con chung tên Đặng Quốc H, sinh ngày 27/3/1994, con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà và ông A chung sống không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Đặng Xuân A có Đơn xin vắng mặt nhưng theo bản tự khai ngày 15/3/2023 trình bày: Ông A thống nhất với lời trình bày của bà N về thời gian xác lập quan hệ hôn nhân, con chung và vợ chồng sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Việc bà N kiên quyết ly hôn, ông An không đồng ý.

Tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp cho Tòa án gồm: 01 Trích lục Giấy chứng nhận kết hôn; 01 Giấy khai sinh con chung; chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1]. Nguyên đơn khởi kiện bị đơn có nơi tạm trú tại xã Nh, huyện B về việc tranh chấp *"Ly hôn"*. Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm thuộc Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An.

[2]. Bà Huỳnh Thị N , ông Đặng Xuân A có Đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt theo qui định pháp luật.

Về nội dung tranh chấp:

[3]. Bà Huỳnh Thị N , ông Đặng Xuân A xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn theo qui định. Căn cứ khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

[4]. Xét yêu cầu ly hôn của bà N , Hội đồng xét xử xét thấy các đương sự kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng có thời gian dài chung sống có đảm bảo hạnh phúc. Trong quá trình nộp đơn khởi kiện, bà N cho rằng giữa hai ông bà đã xảy ra mâu thuẫn là vợ chồng không hòa hợp với nhau về mọi mặt và hiện nay đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Tuy nhiên, sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã cho các đương sự thời gian đoàn tụ, ông A xin đoàn tụ, bà N kiên

quyết ly hôn. Đồng thời, ông An có Đơn xin vắng mặt vì không có thời gian đến Toà án nhiều lần. Xét thấy, việc đoàn tụ giữa các đương sự không có kết quả nên Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cho bà Huỳnh Thị N được ly hôn ông Đặng Xuân A.

[5]. Về nuôi con chung: Bà N xác định giữa bà và ông An chung sống có 01 con chung tên Đặng Quốc H, sinh ngày 27/3/1994, con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[6]. Về tài sản chung: Bà N xác định không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[7]. Nợ chung: Bà N xác định không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[8]. Án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Huỳnh Thị N phải chịu án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điểm a khoản 1 các Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ khoản 1 Điều 9; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Huỳnh Thị N đối với ông Đặng Xuân A.

1. Quan hệ vợ chồng: Bà Huỳnh Thị N được ly hôn với ông Đặng Xuân An.

2. Quan hệ con chung: Bà Huỳnh Thị N , ông Đặng Xuân A chung sống có 01 con chung tên Đặng Quốc H, sinh ngày 27/3/1994 (đã trưởng thành).

3. Về án phí: Bà Huỳnh Thị N phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009585 ngày 09 tháng 3 năm 2023 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện B, tỉnh Long An chuyển sang án phí.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết hợp lệ bản án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- VKSND huyện B;
- UBND xã Nh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA